

Bản án số: 75/2019/HS-PT

Ngày 03/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Hồ Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Hồ Văn N, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn C và bà Lê Thị B; vợ: Phạm Thị Bé S; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2018 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ Ông Lê Văn L là Luật sư - Văn phòng luật sư CL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Th là Luật sư - Văn phòng luật sư NHV thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị hại:* Cao Đình T, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Số 24/8, đường 210, KP5, phường T, Quận A, Thành phố G; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Cao Đình K, sinh năm: 1986; có mặt;

+ Trương Văn V, sinh năm: 1983; có mặt;

+ Lê Văn V1 , sinh năm: 1972; vắng mặt;
+ Nguyễn Văn N1 , sinh năm: 1976; có mặt;
Cùng trú tại: ấp HL, xã TP, huyện CT, tỉnh BT.
+ Hồ Văn B1, sinh năm: 1971; có mặt;
+ Lê Thị B , sinh năm: 1940; vắng mặt;
+ Hồ Văn C, sinh năm: 1930; vắng mặt;
+ Phạm Huy D, sinh năm: 1971; có mặt;
+ Phạm Thị Bé S, sinh năm 1984; có mặt;
Cùng trú tại: ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 30/11/2016, Hồ Văn N tổ chức uống bia cùng Hồ Văn B1, Trương Văn V tại nhà của N thuộc ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT . Sau khi uống được gần 04 K bia, khoảng 16 giờ cùng ngày ông B1 điện thoại rủ Cao Đình T đến nhà N nhậu. Lúc này, T đang uống rượu cùng với Cao Đình K tại nhà ông Lê Văn V1 ở ấp HL, xã TP, huyện CT, tỉnh BT. T kêu K điều khiển xe mô tô biển số 59X1 - 231.11 chở T đến nhà N . Khi đến nhà N, K dựng xe cập lề lộ trước cửa nhà rồi cùng T đi vào bàn đá ở hành lang nhà trước uống bia cùng với N, V và B1. T , K mỗi người chưa uống hết 01 chai bia, lúc này V, B1, N đều đã mệt nên nghỉ nhậu. V về trước, B1 rủ T và K về nhà B1 nhậu tiếp, B1 kêu N tính tiền cho T rồi B1 ra về. N nói T 600.000 đồng, do uống chưa hết 01 chai bia nên T nói không trả tiền, lúc này K kêu bà Lê Thị B (mẹ N) bán gói thuốc hút đưa 200.000 đồng, không có tiền thối nên giữa N và K có lời qua tiếng lại. N ngồi gục mặt tại bàn và đập chai bia xuống nền nhà làm vỡ chai bia, thấy N đập chai bia T kêu K đi về nhà cha mẹ T, N đi theo sau đến dốc ra đường, nói “tụi bây tới đây nhậu tao lo, nhậu chực mà còn làm cha hả” nên giữa K và N xảy ra xô xát, N cầm cái lưỡi liềm để trên bao cỏ gần đó quơ lưỡi liềm vào K, K né nên bị té ngã và la lên. Sau đó, N cầm lưỡi liềm đi đến chỗ T đang ngồi trên xe mô tô biển số 59X1 - 231.11 cách khoảng 05 mét quơ vào người T nhưng T né được nên trúng vào đầu xe 59X1 - 231.11, N tiếp tục quơ lưỡi liềm vào T, T dùng tay trái đỡ nên trúng vào tay trái 01 cái. K ngồi dậy và thấy T bị thương nên điều khiển xe đưa T đến Trạm y tế xã Tân Phú để băng vết thương rồi chở T đi đến Trung tâm y tế huyện CT cơ sở Hàm Long để chữa trị vết thương. Tại đây, nhân viên thay băng thấy vết thương sâu nên không tiếp nhận điều trị cho T mà yêu cầu đến bệnh viện tuyến trên điều trị, K chở T đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre. Một lúc sau, T xin chuyển đến bệnh viện đa khoa Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị để tiện sinh hoạt gần nhà T . Sau khi gây thương tích cho T , N vẫn cầm lưỡi liềm và kêu ông Hồ Văn C (cha N) báo cho anh Phạm Huy D là Công an viên thường trực đến nhà N. Khi anh D đến, N bỏ lưỡi liềm vào lu nước cạnh hành lang nhà, do thấy N đã say xỉn, chỉ nói có xô xát với K, T nên anh D không lập biên

bản và cũng không kiểm tra hiện trường. Đến 23 giờ 20 phút cùng ngày, gia đình K điện thoại báo anh D sự việc trên.

Vật chứng, đồ vật tạm giữ:

- 01 lưỡi liềm, dài 34,5cm; cán bằng nhựa màu xanh dài 12,3cm, tiết diện lớn nhất 03cm, tiết diện nhỏ nhất 02cm, lưỡi bằng kim loại dài 22,2cm có hình cong, một bề bên; bề bằng lớn nhất 2,2cm, nhỏ nhất 0,4cm, trên lưỡi bên có nhiều răng cưa, trên lưỡi có chữ “7 THÉP”;

- 01 mũ bảo hiểm màu trắng.

Bản K luận giám định pháp y về thương tích số 83-317/TgT ngày 31/3/2017 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Bến Tre K luận Cao Đình T: vết phức tạp 1/3 giữa mặt trước cẳng tay trái gây đứt gân gấp ngón I, II, III, IV; gân gấp cổ tay quay ngắn, dài; đứt thần kinh giữa; hiện: vết thương lành sẹo kích thước 08cm x 0,2cm cổ tay gấp duỗi, các ngón tay gấp duỗi còn hạn chế; tê, mất cảm giác bàn tay trái từ ngón I, II, III, IV; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 35%.

Ngày 01/8/2018, Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Bến Tre có giải thích kết luận giám định thương tật Cao Đình T: căn cứ xếp tỷ lệ thương tật của Cao Đình T: chương 2 tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh, tại mục 3.22 của phần VII tổn thương rỗ, đám rỗ, dây thần kinh, trang số 07 theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014. Phân tích tỷ lệ từng vết thương: vết phức tạp 1/3 giữa mặt trước cẳng tay trái gây: 35%; đứt gân ngón I, II, III, IV; gân gấp cổ tay quay ngắn, dài; đứt thần kinh giữa; cơ chế hình thành vết thương của Cao Đình T là do vật sắc nhọn gây ra; vết thương của Cao Đình T có thể là do lưỡi liềm nêu trên gây ra; lưỡi liềm trên có thể gây ra vết thương nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh Cao Đình T yêu cầu bồi thường tổng cộng 100.965.688 đồng gồm: chi phí điều trị 12.965.688 đồng, mất thu nhập 63.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 25.000.000 đồng, N chưa bồi thường, chị L (vợ anh T) không yêu cầu tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc anh T điều trị thương tích.

Quá trình điều tra, bị cáo Hồ Văn N không thừa nhận thương tích của Cao Đình T là do bị cáo gây ra.

Tại Kết luận giám định số 2236/C09B ngày 15/5/2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Dấu vết cắt mặt ngoài phía trên bên trái ốp đầu xe mô tô biển số 59X1 - 231.11 có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ sau về trước, do công cụ có nhiều lưỡi cắt tạo ra (liềm, cưa...), đặc điểm riêng của dấu vết không đủ cơ sở để truy nguyên vật gây vết.

- Không đủ cơ sở xác định thời điểm tạo ra dấu vết nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 30/7/2019 bị cáo Hồ Văn N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Hồ Văn N trình bày lời khai: bị cáo thừa nhận vào khoảng 09 giờ ngày 30/11/2016, bị cáo tổ chức uống bia cùng Hồ Văn B1, Trương Văn V tại nhà của bị cáo. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày; B1 điện thoại rủ Cao Đình T đến nhà bị cáo uống bia, sau đó T cùng với Cao Đình K đến nhà bị cáo uống bia cùng với bị cáo, Hải và B1. Lúc này bị cáo, V và B1 đều đã mệt nên nghỉ uống bia; V về trước, B1 kêu bị cáo tính tiền cho T rồi B1 ra về, bị cáo nói 600.000 đồng nhưng T không trả tiền; lúc này K kêu bà Lê Thị B (mẹ bị cáo) bán gói thuốc hút đưa 200.000 đồng nhưng không có tiền thối nên giữa bị cáo và K có lời qua tiếng lại, bị cáo đập chai bia xuống nền nhà làm vỡ chai bia, bị cáo đi theo T và K ra đến dốc giáp lộ với sân nhà bị cáo và nói “tụi bây tới đây nhậu tao lo, nhậu chực mà còn làm cha hả” nên giữa K và bị cáo xảy ra xô xát, bị cáo cầm cái lưỡi liềm để sẵn trên bao cỏ gần đó quơ lưỡi liềm vào K, K né được. Sau đó, bị cáo cầm lưỡi liềm quơ thẳng tay vào người T nhưng T né được nên lưỡi liềm trúng vào đầu xe mô tô biển số 59X1 - 231.11, bị cáo tiếp tục quơ lưỡi liềm vào T, T dùng tay trái đỡ nên trúng vào tay trái 01 cái, K lấy xe chở T chạy đi. Sau đó ông Hồ Văn C (cha bị cáo) điện thoại báo cho anh Phạm Huy D là Công an viên thường trực đến nhà bị cáo nhưng anh D không lập biên bản và cũng không kiểm tra hiện trường. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo đã phạm tội cố ý gây thương tích đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên; trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã suy nghĩ kỹ về thương tích của bị hại T là do chính bị cáo gây ra, vì lúc xảy ra sự việc chỉ có bị cáo, anh K và bị hại T, bị cáo là người đã cầm lưỡi liềm quơ thẳng tay về phía bị hại T và anh K tại phía trước nhà của bị cáo vào ngày 30/11/2016. Nay bị cáo thật sự ăn năn hối cải, nhận ra lỗi lầm của mình nên thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại T số tiền 72.265.688 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên và đã tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho bị hại T. Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: rút kháng cáo kêu oan, thay đổi kháng cáo kêu oan thành kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt để sớm về nuôi cha mẹ già và hai con nhỏ.

- Bị hại Cao Đình T trình bày lời khai: vào ngày 30/11/2016 anh có uống bia tại nhà bị cáo N, do anh uống chưa hết 01 chai bia nhưng bị cáo N tính 600.000 đồng nên anh không trả. Sau đó anh ra về thì bị cáo N đi theo dùng lưỡi liềm chém anh 01 cái nhưng anh né được nên lưỡi liềm trúng vào xe mô tô biển số 59X1 – 231.11, bị cáo N tiếp tục chém anh cái thứ hai anh né không kịp nên dùng tay đỡ và đã bị thương tích với tỷ lệ thương tật 35%. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N đã thừa nhận

phạm tội cố ý gây thương tích và trình bày nội dung gây thương tích cho anh là đúng với diễn biến sự việc. Do anh đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo. Anh yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người làm chứng Cao Đình K trình bày lời khai: vào ngày 30/11/2016 anh có uống bia tại nhà bị cáo N, anh có mua của bà B (mẹ bị cáo) gói thuốc hút và đưa 200.000 đồng nhưng không có tiền thối. Lúc đó bị cáo N kêu T tính tiền bia nhưng T không trả nên bị cáo N đập bể chai bia. Anh và T ra về thì bị cáo N đi theo dùng lưỡi liềm chém anh nhưng anh né được và bị té, anh nhìn thấy bị cáo N dùng lưỡi liềm chém T nhưng trúng hay không anh không biết. Sau đó T bị thương nên anh đưa T đi cấp cứu.

- Người làm chứng Trương Văn V trình bày lời khai: vào ngày 30/11/2016 anh có uống bia tại nhà bị cáo N, đến khoảng 15 giờ 30 phút thì anh và anh B1 có điện thoại rủ T đến uống bia. Khi T đến uống chưa được 01 chai bia thì anh về trước để rước con. Sự việc sau đó xảy ra tại nhà bị cáo N thì anh không biết.

- Người làm chứng Nguyễn Văn N1 trình bày lời khai: vào chiều ngày 30/11/2016, mẹ vợ anh kêu anh chở bà đến trạm y tế Hàm Long xem T bị thương ra sao. Khi đến trạm y tế Hàm Long thì T đã đi cấp cứu ở bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu – Bến Tre. Khi anh đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thì gặp K và nghe K nói T bị N chém gây thương tích. Anh không biết gì thêm.

- Người làm chứng Hồ Văn B1 trình bày lời khai: vào ngày 30/11/2016 anh có uống bia tại nhà bị cáo N, uống bia từ lúc 10 giờ đến 16 giờ. Sau đó anh V điện thoại rủ T đến nhà bị cáo N uống bia. Khi anh Hải điện thoại cho T thì anh có nói chuyện với T. T đến nhà bị cáo N uống chưa hết 01 chai bia thì anh có rủ T đến nhà anh chơi nên anh ra về trước. Sự việc sau đó xảy ra tại nhà bị cáo N anh không biết.

- Người làm chứng Phạm Huy D trình bày lời khai: khoảng 19 giờ ngày 30/11/2016, ông Hồ Văn Ca (cha bị cáo N) điện thoại báo cho anh sự việc tại nhà ông Ca có uống bia rồi xảy ra đánh nhau. Khi anh tới thấy bị cáo N đã say rượu không làm việc được và bị cáo N không bị thương tích gì nên anh không lập biên bản và không kiểm tra hiện trường. Anh có nói với ông C nếu có sự việc gì xảy ra sao đó thì điện thoại cho anh, rồi anh ra về.

- Người làm chứng Phạm Thị Bé S trình bày lời khai: chị là vợ của bị cáo N. Ngày 30/11/2016 chị từ nhà mẹ ruột ở tỉnh Vĩnh Long về nhà cha mẹ N. Lúc đó chị thấy bị cáo N, K và T còn ngồi ở nhà nhưng không biết còn uống bia hay không. K mua gói thuốc đưa 200.000 đồng nhưng không có tiền thối nên K và bị cáo N cự cãi qua lại. Chị nghe mẹ chồng (bà B) la K đánh N, K và T bỏ ra về thì N đi theo nói “tụi bây tới đây nhậu tao lo, nhậu chực mà còn làm cha”. Lúc đó chị thấy K cầm nón bảo hiểm đánh N té xuống chậu bông. N ngồi dậy cầm lưỡi liềm quơ K và T nhưng chị không biết có trúng ai không. Do bị cáo N tác động nên chị có nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT số tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho T. Chị không yêu cầu bị cáo N trả lại cho chị khoản tiền này.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Hồ Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đã xử phạt bị cáo 05 năm tù. Tuy nhiên; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đã rút kháng cáo kêu oan, thay đổi kháng cáo kêu oan thành kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; xử phạt bị cáo Hồ Văn N từ 03 năm tù đến 04 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Bị cáo Hồ Văn N không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận:

+ Luật sư Lê Văn L cho rằng tại cấp sơ thẩm bị cáo không nhận tội và Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 05 năm tù. Tuy nhiên; tại cấp phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận phạm tội cố ý gây thương tích, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, có cha, mẹ già, có 02 con nhỏ; tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét thấy Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo Bản án sơ thẩm đã tuyên.

+ Luật sư Nguyễn Văn Th đồng ý với quan điểm của Luật sư Lê Văn L, cho rằng Luật sư đồng nghiệp đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 02 năm tù là có cơ sở. Tuy nhiên bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại, chăm sóc cha, mẹ già và 02 con nhỏ.

- Bị hại không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đã tự nguyện rút kháng cáo kêu oan, thay đổi kháng cáo kêu oan thành kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, việc thay đổi kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng được thu giữ, K luận giám định, với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: vào khoảng 17 giờ ngày 30/11/2016, tại ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT, sau khi uống rượu say bị cáo Hồ Văn N xảy ra xô xát với Cao Đình K và Cao Đình T, bị cáo Hồ Văn N đã dùng lưỡi liềm là hung khí nguy hiểm quơ, chém trúng tay trái của bị hại Cao Đình T gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 35%. Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 35%, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2.2] Theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, *quy định một hình phạt nhẹ hơn*, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và *quy định khác có lợi cho người phạm tội*, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Theo điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; *quy định hình phạt nhẹ hơn*, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và *các quy định khác có lợi cho người phạm tội* thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Như vậy; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định về việc áp dụng quy định có lợi cho bị cáo. Theo

quy định tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 15 năm, nhưng theo quy định tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm là nhẹ hơn; trong trường hợp này bị cáo được áp dụng quy định có lợi nên phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Hồ Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Văn N yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã xử phạt bị cáo 05 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận phạm tội cố ý gây thương tích đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định; bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự tỏ ra ăn năn hối cải nên đã tự nguyện tác động gia đình nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho bị hại T và bị hại T đã có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo là chưa nghiêm nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình và vợ của bị cáo là chị Phạm Thị Bé S nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT số tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho bị hại Cao Đình T. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận để làm cơ sở cho Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án theo thẩm quyền, vì vậy số tiền này cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[6] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hồ Văn N; sửa Bản án sơ thẩm số: 33/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

[1] Áp dụng khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn N 03 (ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018.

[2] Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002284 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Hồ Văn N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự,
- Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an huyện Châu Thành (2b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành(1b);
- UBND xã Tân Phú (1b);
- Bị cáo tạm giam (1b);
- Bị hại (1b)
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Tôn Văn Thông